

Bản án số: 101/2021/HS-PT
Ngày 01 tháng 02 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Thúy Hồng
2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiễn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Kim Đoàn, Kiểm sát viên cao cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 527/2020/TLPT-HS ngày 06/10/2020, đối với bị cáo Lê Văn Ng, bị cáo Nguyễn Văn Ph và phía người bị hại bà Phạm Thị Ngọc H. Do có kháng cáo của bị cáo Ng, bị cáo Ph và bà H.

Bị cáo có kháng cáo:

1/ Lê Văn Ng (tên gọi khác: Đức), sinh năm 1977 tại Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: 101 NVT, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 12/12, Nghề nghiệp: Không; Cha: Lê Đ; Mẹ: Lê Thị L; Có vợ và 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giam: ngày 16/8/2017

2/ Nguyễn Văn Ph (tên gọi khác: Út), sinh năm 1973 tại Sài Gòn; Nơi đăng ký thường trú: ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: 141/30/16 đường 339, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Cha: Nguyễn Văn E; Mẹ: Nguyễn Thị C; Có vợ và 03 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1997).

Tiền án: Năm 2015 bị xử phạt 01 năm tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, theo Bản án số 100/2015/HSST ngày 03/7/2015 của Tòa án nhân dân Quận 12, đã chấp hành xong án phạt tù theo Giấy chứng nhận số 20/GCN ngày 06/02/2016 của Giám thị Trại tạm giam Bó Lá (Có mặt tại phiên tòa)

Tiền sự: Không; Bị tạm giam ngày: 17/8/2017 (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho các bị cáo:

Luật sư Nguyễn Quốc Th, Đoàn Luật sư Tp.HCM. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại có kháng cáo:

Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1992

Địa chỉ: 78/21 T, P.X, Q.Y, Tp.HCM.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Giêng Siu M

Địa chỉ: 163 NT, P.X, Q.Y, Tp.HCM (Có mặt tại phiên tòa)

Trong vụ án này còn có các bị cáo: Trần Nguyễn Như Th, Trần Ngọc T, không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Do cần tiền để trả nợ nên khoảng đầu tháng 8/2017, Trần Nguyễn Như Th và Trần Ngọc T đã liên hệ với Lê Văn Ng làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Nguyễn Như Th và Trần Ngọc T với giá 3.000.000đồng/giấy, mục đích là để Th và T đem đi thế chấp vay tiền.

Sau đó, Ngọc nhờ Nguyễn Văn Ph làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất số BE 472105 do Ủy ban nhân dân Quận 5 cấp cho Trần Nguyễn Như Th và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE472472 do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp cho Trần Ngọc T, rồi Ngọc giao cho Th và T, được Th trả số tiền 6.000.000đồng.

Đến ngày 16/8/2017, thông qua đối tượng tên T1 (chưa rõ lai lịch), Trần Nguyễn Như Th, Trần Ngọc T cùng Lê Văn Ng đem 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất giả nêu trên đến quán cà phê Cát Đằng tại số 780 Trần Hưng Đạo, phường 7, Quận 5 gặp anh Nguyễn Thành T để thế chấp vay số tiền 200.000.000đồng và T thế chấp vay số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng, lập hợp đồng vay tiền thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất (hợp đồng này không được công chứng, chứng thực theo quy định) do anh Nguyễn Thành T giữ.

Anh Nguyễn Thành T đưa cho Th 176.000.000đồng (đã trừ tiền lãi tháng đầu là 10.000.000đồng, phí dịch vụ 20.000.000đồng, tiền cho người môi giới 4.000.000đồng) giao cho T là 40.500.000đồng (đã trừ đi tiền lãi tháng đầu là 2.500.000đồng, tiền phí dịch vụ là 5.000.000đồng, tiền cho người môi giới 2.000.000đồng), thì bị Công an Quận 5 phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, Th khai nhận cũng bằng thủ đoạn như trên, Th đã thuê Ng làm tổng cộng 12 giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất giả với cùng địa chỉ nhà

số 529 Hồng Bàng, phường 14, Quận 5. Trong đó có 04 giấy mang tên Trần Nguyễn Như Th và 08 giấy mang tên cả hai vợ chồng Th là Mã Văn Th và Trần Nguyễn Như Th.

Để cho mọi người tin tưởng, Th còn nhờ Ng làm giả thêm 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và 01 sổ hộ khẩu để đối chiếu khi đi vay tiền đối với trường hợp thế chấp giấy chứng nhận có tên chồng. Sau đó, Th đã đem thế chấp 10 giấy chứng nhận vay tiền của nhiều người gồm:

Bà Nguyễn Thị Thơ Th: Ngày 22/6/2017, vay 100.000.000đồng, Th thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất giả số BE 472105 để làm tin, không ghi thời hạn và lãi suất.

Bà Nguyễn Ngọc H: Vay 03 lần tổng cộng 80.000.000đồng, Th thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất giả số BE 472105.

Bà Đặng Thị Linh P: Vay số tiền 50.000.000đồng ngày 05/7/2017, Th thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất (giả) số BE 472105, thỏa thuận trả góp 2.000.000 đồng/ngày, Th đã trả được 17 ngày thì ngưng không trả.

Bà Trần Thị Hương G: Vay 200.000.000đồng ngày 27/7/2017, có làm giấy vay tiền tại Phòng công chứng số 7, Th thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất giả số BE 472105, với lãi suất 3%/tháng, thời gian vay là 6 tháng. Khi Th bị bắt chưa đến hạn trả tiền.

Bà Nguyễn Thị O: Vay 200.000.000đồng ngày 03/7/2017, có làm giấy vay tiền tại Phòng công chứng Nguyễn Cảnh, Th thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất giả số BE 472105. Thời hạn vay 03 tháng, mới trả được 23.000.000đồng.

Ông Nguyễn Bá Th: Vay 150.000.000đồng ngày 09/8/2017, lãi suất 5%/tháng, thời gian vay tiền là 04 tháng, Th thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất giả số BE 472105.

Bà Phạm Thị Ngọc H: Vay 800.000.000đồng ngày 14/8/2017, có làm giấy vay tại Phòng công chứng số 2, Th thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất giả số BE 472105. Khi Th bị bắt chưa đến hạn trả tiền.

Ngoài ra, Th còn thế chấp giấy tờ giả cho 02 người khác nhưng quá trình điều tra không xác định được lai lịch của 02 người đã cho Th vay tiền.

Tại Kết luận giám định số 547/KLGD ngày 11/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung:

Chữ ký, chữ viết ghi họ tên “Trần Nguyễn Như Th” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A8 so với chữ ký, chữ viết họ tên của Trần Nguyễn

Như Th dùng làm mẫu so sánh trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết ghi họ tên “Trần Ngọc T” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A9 so với chữ ký, chữ viết của Trần Ngọc T dùng làm mẫu so sánh trên các tài liệu ký hiệu từ M4 đến M6 do cùng một người ký và viết ra.

Tại Cơ quan điều tra:

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 337/2020/HS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2019; khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Ng: 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 năm 06 tháng về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 199, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph: 03 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2017.

Án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Như Th: 14 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 18 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T: 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là: 01 năm tù. Thời tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam bị cáo từ ngày 16/8/2017 đến 16/6/2018.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến tang vật, án phí, trách nhiệm bồi thường dân sự và quyền kháng cáo theo luật định, trong đó có phần tang vật liên quan đến bà Phạm Thị Ngọc H như sau:

Tiếp tục phong tỏa tài khoản tiết kiệm số 1291110508120001 của Trần Nguyễn Như Th tại Tổ chức tín dụng Ngân hàng Sài Gòn – Phòng giao dịch Ngô Quyền, Tp.HCM. Giao cho Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tạm

giữ số tiền trong tài khoản là 539.137.610 đồng và lãi phát sinh (nếu có) để đảm bảo thi hành án đối phần bồi thường thiệt hại của các bị hại trong vụ án, theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 912/PC01 (DD8) ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/8/2020 và ngày 31/8/2020, bị cáo Lê Văn Ng và bị cáo Nguyễn Văn Ph làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Mức án sơ thẩm quá nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được giảm nhẹ mức án.

Ngày 09/9/2020 bà Phạm Thị Ngọc H làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Số tiền 539.137.610 đồng và lãi phát sinh tại Tổ chức tín dụng Ngân hàng Sài Gòn – Phòng giao dịch Ngô Quyền, là tiền của bà giao cho bị cáo Th sau khi ký hợp đồng vay tại Phòng Công chứng số 2, án sơ thẩm phong tỏa để trả cho tất cả cho những người bị hại là không đúng, bà yêu cầu trả số tiền tang vật trên cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Ng cho rằng, đối với tội lừa đảo bị cáo xin xem xét lại vì bị cáo không có tham gia trực tiếp, riêng đối với tội làm giả giấy chứng nhận của cơ quan Nhà Nước thì bị cáo xin được giảm nhẹ mức án. Đến phần lời nói sau cùng bị cáo xác định có giúp sức đối với tội lừa đảo nên bị cáo xin được giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Quá trình điều tra bị cáo lập công chuộc tội chỉ ra để Cơ quan điều tra bắt Ph xử lý, bị cáo có cha là người có công cách mạng, có huân huy chương, hiện nay bị cáo bị cáo đang bị bệnh tiểu đường rất nặng, hoàn cảnh rất khó khăn, vì vậy nên xin Hội đồng xét xử chiếu cố giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Bị cáo Ph cho rằng, bị cáo bị tạm giam ngày 17/8/2017 tính đến ngày 17/2/2021 là bị cáo đã gần hết án, quá trình điều tra bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Quốc T bào chữa cho các bị cáo thì cho rằng, đối với bị cáo Ng hành vi lừa đảo chưa được cấp sơ thẩm xem xét vì bị cáo không trực tiếp tham gia, riêng đối với tội làm giả giấy chứng nhận thì bản thân bị cáo đã thành thật khai báo, lập công chuộc tội, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, cha bị cáo có công cách mạng, nên xin được xem xét cho bị cáo Ng được giảm án.

Bào chữa cho bị cáo Ph, Luật sư cũng đề nghị giảm mức án cho bị cáo.

Ông Giêng Siu M đại diện người bị hại bà Phạm Thị Ngọc H cho rằng, tại thời điểm bị cáo Th vừa nhận tiền của bà H xong tại Phòng Công chứng số 2, thì bị cáo Th nộp ngay vào Ngân hàng Sài Gòn cạnh bên Phòng Công chứng, vì vậy số

tiền này không thể trả hết cho toàn bộ số người bị hại mà phải trả cho bà H vì đây là số tiền bị cáo Th thực nhận của bà H để gửi vào Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục tố tụng theo Bộ Luật tố tụng Hình sự, những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo theo khung hình phạt và đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để chiếu cố cho các bị cáo, mức án sơ thẩm là thỏa đáng, không nặng, vì vậy đề nghị giữ nguyên mức án đối với các bị cáo. Riêng đối với kháng cáo người bị hại, đề nghị chấp nhận sửa án sơ thẩm, vì thực tế số tiền ở Ngân hàng mà bị cáo Th đã nộp là số tiền của người bị hại H đã đưa cho bị cáo ngay trước đó trước đó, không phải số tiền của những người bị hại khác, nên đề nghị xử lý đối với tang vật này để trả lại cho phía bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của bị cáo Ng, bị cáo Ph và bà H đều làm trong thời hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

2/ Về nội dung giải quyết đối với kháng cáo:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2017 đến tháng 08/2017 Trần Nguyễn Như Th đã liên hệ với Lê Văn Ng làm tổng cộng 13 giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở, đất ở giả đứng tên Th và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở, đất ở giả đứng tên Trần Ngọc T, ngoài ra còn làm 2 sổ hộ khẩu giả, 1 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giả.

Quá trình thực hiện Ng thuê Nguyễn Văn Ph làm giả các giấy tờ trên, Th đã dùng các giấy tờ giả này để thế chấp và vay tiền của các ông bà như: Ông Nguyễn Bá Th, ông Nguyễn Thành T và Đặng Thị Linh P, bà Phạm Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Thơ Th, bà Trần Thị Hương G, bà Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị O, tổng số tiền chiếm đoạt của những người bị hại là hơn 1 tỷ đồng.

[2.2] Xét kháng cáo đối với bị cáo Lê Văn Ng:

Theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi năm 2009 quy định về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 500.000.000đồng trở lên, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.

Theo khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi năm 2009 quy định về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, như sau:

Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 5 năm.

Đối chiếu với trường hợp của bị cáo Ng thì thấy: Bị cáo là người giúp sức tích cực cho bị cáo Th dùng các giấy tờ giả để chiếm đoạt tiền của những người bị hại, với tổng số tiền 1.541.000.000đồng. Ngoài ra, bị cáo còn liên lạc trực tiếp với Nguyễn Văn Ph để thực hiện làm giả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Hộ khẩu, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của cơ quan nhà nước.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Có cha là người có công cách mạng được tặng thưởng huân huy chương, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, từ đó xử phạt bị cáo 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 3 năm 6 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật như đã viện dẫn.

[2.3] Xét kháng cáo đối với bị cáo Nguyễn Văn Ph:

Bị cáo thực hiện hành vi làm nhiều giấy tờ giả của cơ quan nhà nước và đã thực hiện nhiều lần, trước đó bị cáo cũng đã có 01 tiền án về tội này chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo cũng có tình tiết giảm nhẹ như ăn năn, hối hận, thật thà khai báo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và xử phạt mức án 3 năm 6 tháng tù là phù hợp đối với tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như đã nêu trên.

[2.4] Xét kháng cáo đối với phần xử lý tang vật của người bị hại Phạm Thị Ngọc H:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Th và bà H đều khai nhận, vào ngày 14/8/2018 bị cáo Th lập hợp đồng vay tại Phòng Công chứng số 2, số tiền vay số tiền 800.000.000đồng, trừ đi các chi phí dịch vụ là 100.000.000đồng, số tiền bị cáo Th nhận là 700.000.000đồng, ngay sau khi ký hợp đồng và nhận tiền vay tại Phòng Công chứng số 2, bị cáo Th đã gửi vào tài khoản của Ngân hàng Sài Gòn phòng giao dịch Ngô Quyền số tiền 539.137.610đồng, Ngân hàng này nằm sát cạnh ở Phòng Công chứng số 2, qua đối chiếu các tài liệu trong hồ sơ thì số tiền này bị cáo Th gửi cùng ngày công chứng là 14/8/2018.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử lý tang vật trên, chia đều số tiền này cho tất cả người bị hại khác là chưa phù hợp với các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, như đã phân tích nêu trên, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bà H về vấn đề này.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Ng, bị cáo Ph chịu án phí HSPT theo luật định.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên. Căn cứ khoản 2, Điều 355 Bộ Luật tố tụng Hình sự 2015

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Ng và bị Cáo Nguyễn Văn Ph.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại bà Phạm Thị Ngọc H.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm.

1/ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2019; khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Ng: 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 năm 06 tháng về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2017.

2/ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 199, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph: 03 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2017.

3/ Tiếp tục phong tỏa tài khoản tiết kiệm số 1291110508120001 của Trần Nguyễn Như Th tại Tổ chức tín dụng Ngân hàng Sài Gòn – Phòng giao dịch Ngô Quyền, Tp.HCM. Giao cho Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ số tiền trong tài khoản là 539.137.610 đồng và lãi phát sinh (nếu có) để đảm bảo thi hành án đối phần bồi thường thiệt hại của bà Trần Thị Ngọc H, theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 912/PC01 (DD8) ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Ng và bị cáo Ph mỗi người chịu số tiền 200.000đồng.

5/ Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- VKSND Tp.HCM.
- TAND Tp.HCM (2).
- Công an Tp.HCM.
- Trại TG CA Tp.HCM
- Cục THADS Tp.HCM.
- Những người tham gia tố tụng (5)
- Sở Tư pháp Tp.HCM
- Lưu VP; HS vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN